

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 93/2024/TT-BTC

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2024

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT T. SƠN LA	
Số: 2396	ĐẾN
Ngày: 07/2	
Chuyển:	
Số và ký hiệu HS:	

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Thực hiện Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 05 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12 tháng 7 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Quyết định số 809/QĐ-TTg);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính hành chính sự nghiệp;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14/04/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Chương trình).

Điều 1. Bãi bỏ một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTC ngày 14 tháng 04 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình (sau đây viết tắt là Thông tư số 21/2023/TT-BTC) như sau:

1. Bãi bỏ Điều 3, Điều 4, Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 21/2023/TT-BTC.

2. Bãi bỏ khoản 4 Điều 16 Thông tư số 21/2023/TT-BTC.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 21/2023/TT-BTC như sau:

1. Bổ sung Điều 3a Thông tư số 21/2023/TT-BTC như sau:

“Điều 3a. Chi hoạt động bảo vệ rừng, phát triển rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững

Chi các hoạt động bảo vệ rừng đặc dụng, hỗ trợ phát triển sinh kế, cải thiện đời sống người dân vùng đệm của các khu rừng đặc dụng, bảo vệ rừng phòng hộ, hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung, hỗ trợ xây dựng phương án quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững, hỗ trợ thực hiện trồng cây phân tán, khoán bảo vệ rừng: Thực hiện theo quy định tương ứng tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 05 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2024/NĐ-CP) và hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định tại Thông tư 22/2024/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 12 năm 2024 quy định một số nội dung về lâm nghiệp thực hiện Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững và Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.”

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 13 Thông tư số 21/2023/TT-BTC:

“Điều 13. Chi lập hồ sơ lần đầu, chi quản lý, kiểm tra, nghiệm thu

1. Đối tượng

a) Đối với bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị sử dụng ngân sách được giao kinh phí để thực hiện hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng cho các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư.

b) Đối với khoán bảo vệ rừng: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

c) Đối với khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 6; khoản 1 Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

2. Nội dung chi: Chi lập hồ sơ lần đầu, chi quản lý, kiểm tra, nghiệm thu hàng năm và không trùng với các chương trình, dự án khác. Việc tổ chức nghiệm thu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2019/TT-BNNPTNT ngày 30 tháng 10 năm 2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về hướng dẫn một số nội dung quản lý đầu tư công trình lâm sinh.

3. Mức chi:

a) Đối với bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng: Thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5, điểm e khoản 2 Điều 9 và điểm d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

b) Đối với khoán bảo vệ rừng: Thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 19 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

c) Đối với khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: Thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 10 và khoản 2 Điều 13 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

4. Nguồn kinh phí:

a) Đối với khoán bảo vệ rừng: Từ nguồn kinh phí Nhà nước cấp cho chủ rừng thực hiện bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

b) Đối với bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, hỗ trợ bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung: Từ nguồn kinh phí của Chương trình được phân bổ cho các đơn vị, địa phương hàng năm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 2 của Thông tư này.”

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 16 Thông tư số 21/2023/TT-BTC.

“1. Việc phân bổ, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí Chương trình thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Đối với kinh phí Chương trình cấp cho bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng được thực hiện theo khoản 7, Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP.

Khi quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình, các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương gửi Báo cáo quyết toán và Thông báo quyết toán về cơ quan chủ Chương trình (Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Chương trình hàng năm.”

4. Bổ sung khoản 8 Điều 16 Thông tư số 21/2023/TT-BTC:

“8. Quản lý chứng từ kế toán

a) Việc lưu trữ chứng từ đảm bảo phù hợp với Luật Lưu trữ năm 2011, Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành; đồng thời tích cực ứng dụng công nghệ thông tin trong việc quản lý văn bản theo tinh thần Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 07 tháng 09 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường công tác lập hồ sơ và giao nộp hồ sơ, tài liệu vào Lưu trữ cơ quan, Lưu trữ lịch sử;

b) Thôn, bản tự bảo quản, lưu trữ các chứng từ mua, giao nhận, thực hiện hỗ trợ tại cộng đồng và chịu trách nhiệm về nội dung công việc thực hiện tại cộng đồng thôn, bản.”

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 Điều 17 Thông tư số 21/2023-TT-BTC:

“1. Việc kiểm soát chi và tạm ứng thanh toán thực hiện theo quy định tại Nghị định số 11/2020/NĐ-CP ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 3 năm 2024 của Bộ Tài chính hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước qua Kho bạc Nhà nước.

2. Đối với chi hỗ trợ cộng đồng dân cư vùng đệm các khu rừng đặc dụng theo quy định tại Điều 3a của Thông tư này, Kho bạc nhà nước kiểm soát chi trên cơ sở dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển cộng đồng được cấp có thẩm quyền giao cho Ban quản lý rừng đặc dụng; nội dung chi đã được Thủ trưởng của Ban quản lý rừng đặc dụng hoặc người được ủy quyền quyết định chi.”

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hoạt động bảo vệ rừng, phát triển rừng, nâng cao năng suất, chất lượng rừng và quản lý rừng bền vững thuộc Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì được tiếp tục thực hiện; trường hợp phải điều chỉnh thì thực hiện rà soát, điều chỉnh nội dung, mức kinh phí theo quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP và Thông tư này, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2025.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu để áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./. *h*

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương các Hội, Đoàn thể;
- Ủy ban nhân dân, Sở Tài chính, Sở NN và PTNT, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (240 bản)/.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Bùi Văn Khăng

